

chính trong lĩnh vực kế toán thì được xét khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

2. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán có hành vi che giấu hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán hoặc không chấp hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán trong Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán hết hiệu lực thi hành sau một năm, kể từ ngày ra quyết định; trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì không áp dụng thời hiệu quy định tại Điều này.

Điều 24. Khiếu nại và tố cáo.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Nghị định này thay thế những quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán tại Nghị định số 52/HĐBT ngày 19 tháng 2 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng, thay thế các quy định tại điểm c khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a, c, d, e khoản 3 Điều 2 và điểm b, c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

KT. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 50/1999/ND-CP ngày 08/7/1999 về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 43/1999/ND-CP ngày 29/6/1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển để huy động vốn trung và dài hạn, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn của Nhà nước dành cho tín dụng đầu tư phát triển để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 2. Quỹ hỗ trợ phát triển là một tổ chức tài chính nhà nước hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong nước và ngoài nước. Quỹ hỗ trợ phát triển hoạt động theo điều lệ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước để giảm lãi suất cho vay và giảm phí bảo lãnh.

Quỹ hỗ trợ phát triển là đơn vị hạch toán kinh tế tập trung, có chế độ tài chính do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 3. Vốn điều lệ của Quỹ là 3.000 tỷ đồng từ nguồn vốn điều lệ hiện có của Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và ngân sách nhà nước cấp bổ sung hàng năm.

Điều 4. Quỹ hỗ trợ phát triển có trụ sở đặt tại Thủ đô Hà Nội. Tùy theo quy mô và phạm vi hoạt động, Quỹ có các chi nhánh hoặc văn phòng giao dịch đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quỹ được mở văn phòng giao dịch ở nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Quỹ hỗ trợ phát triển có nhiệm vụ:

1. Huy động vốn trung và dài hạn, tiếp nhận các nguồn vốn của Nhà nước (bao gồm cả vốn trong và ngoài nước) để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước;

2. Sử dụng đúng mục tiêu, có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ;

3. Cho vay đầu tư và thu hồi nợ;

4. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư;

5. Thực hiện việc bảo lãnh cho các chủ đầu tư vay vốn đầu tư; tái bảo lãnh và nhận tái bảo lãnh cho các quỹ đầu tư;

6. Quỹ có thể ủy thác, nhận ủy thác cho vay vốn đầu tư;

7. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao;

8. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ;

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan theo quy định.

Điều 6. Quỹ hỗ trợ phát triển có quyền:

1. Kiểm tra và yêu cầu các chủ đầu tư cung cấp tài liệu và giải trình những vấn đề liên quan đến quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước;

2. Thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ của dự án đầu tư;

3. Từ chối và kiến nghị với cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư về việc cho vay, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư đối với các dự án không đúng đối tượng được hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước, không có hiệu quả, không đảm bảo điều kiện theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

4. Đình chỉ việc hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước khi phát hiện chủ đầu tư vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng hỗ trợ lãi suất, hợp đồng bảo lãnh;

5. Kiến nghị các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các chính sách, cơ chế có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng và hoạt động của Quỹ;

6. Thực hiện việc xử lý rủi ro, xử lý tài sản bảo đảm nợ vay theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

7. Khởi kiện đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật hoặc khiếu nại theo quy

định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm hợp đồng, cam kết với Quỹ.

Điều 7. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ hỗ trợ phát triển gồm có: Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ.

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật thành viên của Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Quỹ do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển có 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên chuyên trách là Chủ tịch và Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc và 3 thành viên bán chuyên trách là đại diện có thẩm quyền của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Quỹ và những vấn đề về tín dụng đầu tư phát triển vượt quá thẩm quyền;
2. Thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán của Quỹ;
3. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
4. Giám sát, kiểm tra các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;
5. Xem xét báo cáo của Ban kiểm soát; giải quyết các khiếu nại quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này, trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết.

Điều 9. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chủ trương, chính sách, chế độ thể lệ nghiệp vụ trong hoạt động của Quỹ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, bảo đảm an toàn tài sản nhà nước, tài sản của Quỹ; báo cáo với Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị các biện pháp xử lý;
2. Tiến hành công việc một cách độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;
3. Có trách nhiệm trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, báo cáo thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không được biểu quyết;
4. Xem xét trình cấp có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại của các tổ chức cho vay vốn, các chủ đầu tư, các tổ chức tín dụng nhận ủy thác cho vay và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 10. Tổng Giám đốc là đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của Điều lệ Quỹ hỗ trợ phát triển.

Giúp Tổng Giám đốc có các Phó Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.

Việc thành lập, giải thể các phòng, ban nghiệp vụ, các chi nhánh, văn phòng giao dịch và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng, phó các phòng, ban; Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh và văn phòng giao dịch do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Bộ trưởng Bộ Tài chính được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền:

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển và có thẩm quyền:

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển khi thấy cần thiết.

- Nhận các loại báo cáo định kỳ và đột xuất, bao gồm cả báo cáo kiểm soát của Ban kiểm soát Quỹ hỗ trợ phát triển về hoạt động của Quỹ và nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ, trong trường hợp phát hiện những sai phạm trong các báo cáo, không đồng ý với nội dung nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ, thì trực tiếp làm việc với Hội đồng quản lý để xem xét và thống nhất việc xử lý hoặc điều chỉnh lại nội dung nghị quyết, trường hợp các sai phạm trong hoạt động của Quỹ và nội dung nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ trái với Nghị định của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Quỹ và đối với chủ đầu tư có dự án đầu tư được hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này, một số cơ quan được giao thực hiện thêm một số nhiệm vụ sau đây:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch hàng năm cho Quỹ hỗ trợ phát triển về nguồn vốn, tổng mức vốn tín dụng hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước theo các hình thức hỗ trợ (cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư) và theo cơ cấu ngành, lĩnh vực và vùng; kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao cho Quỹ;

- Cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước cho Quỹ để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước;

- Cử một Thứ trưởng tham gia Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Bộ Tài chính:

- Cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định;

- Thực hiện việc giao vốn và thu hồi nợ đối với nguồn vốn Nhà nước giao cho Quỹ cho vay có thu hồi;

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển; quy định chế độ kế toán; kiểm tra giám sát các hoạt động tài chính của Quỹ;

- Cử một Thứ trưởng tham gia Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện nhận ủy thác cho vay của Quỹ, cho vay các dự án do Quỹ bảo lãnh và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư;

- Hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối và thanh toán của Quỹ;

- Cử một Phó Thống đốc tham gia Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chế độ tiền lương và phụ cấp cho cán bộ, công chức của Quỹ hỗ trợ phát triển.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các chủ đầu tư có dự án được hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước thuộc quyền quản lý của mình;

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của Quỹ hỗ trợ phát triển và chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư được hỗ trợ đầu tư của Nhà nước trên địa bàn.

Điều 13.

1. Đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, sử dụng vốn của Quỹ được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển phải tuân thủ theo pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Cán bộ, công chức của Quỹ vi phạm những quy định của Nghị định này và của văn bản pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, gây thiệt hại tiền Quỹ thì phải bồi thường.

Tổ chức, cá nhân vay vốn của Quỹ mà sử dụng sai mục đích hoặc làm thất thoát vốn vay thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường số tiền vay bị thiệt hại.

Điều 14. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 808/TTg ngày 09 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và những quy định trước đây trái với quy định tại Nghị định này từ ngày 01 tháng 1 năm 2000.

Điều 15. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 51/1999/ND-CP ngày 08/7/1999 quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định này bao gồm các hoạt động đầu tư sau đây:

1. Đầu tư thành lập mới cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế;

2. Đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ bao gồm: đầu tư thành lập phân xưởng sản xuất mới; lắp đặt dây chuyền sản xuất mới; lắp đặt trang, thiết bị mới để bổ sung cho dây chuyền sản xuất hiện có; lắp đặt máy móc, thiết bị mới thay thế cho toàn bộ hoặc từng bộ phận hoàn chỉnh máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất hiện có;

3. Đầu tư cải thiện môi trường và sinh thái; di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi đô thị; phát triển các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu triển khai, cơ sở